

CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TIỄN GIẢM NGHÈO Ở NGƯỜI XƠ-ĐẰNG TẠI HAI XÃ TRÀ ĐỐC VÀ TRÀ SƠN, HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM¹

TS. Phạm Quang Linh
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu và đánh giá hệ thống chính sách xóa đói giảm nghèo (XĐGN) đối với người Xơ-đăng ở huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam. Những chính sách này được chia thành 6 nhóm: nhóm chính sách hỗ trợ trực tiếp về sinh kế và 5 nhóm chính sách nhằm nâng cao 5 chỉ số cơ bản gồm: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vệ sinh và thông tin. Trong 10 năm qua, việc triển khai hệ thống chính sách XĐGN đã giúp rất nhiều hộ gia đình người Xơ-đăng ở Bắc Trà My thoát nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống. Song, những chỉ số về đói nghèo của đồng bào hiện nay vẫn ở mức cao. Vì vậy, để XĐGN cho người Xơ-đăng trong thời gian tới, bên cạnh việc tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ sinh kế trực tiếp cần triển khai các nhóm chính sách theo thứ tự ưu tiên như: nhà ở, y tế, giáo dục, nước sạch và vệ sinh, thông tin.

Từ khóa: Chính sách, chính sách xóa đói giảm nghèo, dân tộc Xơ-đăng

Abstract: This article examines and assesses the poverty and hunger reduction policy towards the Xơ-dang people in Bac Tra My district, Quang Nam province. These policies are categorized into 6 groups: livelihood support policies; and 5 groups of policies towards the improvement of 5 basic criteria: health, education, housing, clean water, information. During the past ten years, the implementation of hunger and poverty reduction has helped many Xơ-dang households in Bac Tra My district to overcome hunger and escape from poverty to improve the quality of their life. However, the poverty rate of ethnic minorities is still high. Therefore, to tackle hunger alleviation and poverty reduction for the Xơ-dang people, along with remaining the livelihood supporting policies implementation, it needs to process the policy implementation in priorities: housing, health, education, clean water and sanitary, information.

Keywords: Policy, hunger alleviation and poverty reduction policy, Xơ-dang people.

Ngày nhận bài: 25/9/2020; ngày gửi phản biện: 5/10/2020; ngày duyệt đăng: 28/11/2020

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ 2019-2021: “Nghiên cứu đề xuất chính sách đặc thù hỗ trợ, phát triển dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội vùng đặc biệt khó khăn” do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Võ Thị Minh Lệ làm chủ nhiệm.

Mở đầu

Xơ-đăng là một trong 53 dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống tại Việt Nam. Tính đến năm 2019, họ có khoảng 169.000 người, cư trú tập trung ở các tỉnh Kon Tum (104.759 người), Quảng Nam (37.900 người), Quảng Ngãi (17.713 người)²,... Tại tỉnh Quảng Nam, người Xơ-đăng sinh sống chủ yếu ở các huyện Bắc Trà My, Nam Trà My và Phước Sơn. Tại Bắc Trà My, người Xơ-đăng hiện được phân ra 2 nhóm là Xơ-đăng và Ca Dong. Cả hai đều được xác định là người dân tộc tại chỗ và chiếm khoảng 39% dân số của huyện (UBND huyện Bắc Trà My, 2020).

Trà Đốc và Trà Sơn là hai xã đặc biệt khó khăn thuộc huyện Bắc Trà My. Trà Đốc cách trung tâm huyện Bắc Trà My khoảng 15km, có dân số 733 hộ với 2.996 nhân khẩu, sinh sống trên địa bàn 3 thôn: thôn 1, thôn 2 và thôn 3. Trong số 733 hộ, có 711 hộ người Xơ-đăng, chiếm 96,99%, tỷ lệ hộ DTTS nghèo 69,5% (UBND xã Trà Đốc, 2020). Trà Sơn là xã được tách từ thị trấn Trà My năm 2007, cách trung tâm huyện Bắc Trà My khoảng 5km. Xã hiện có 881 hộ với 4.113 nhân khẩu, sinh sống trên địa bàn 4 thôn: Dương Hòa, Lâm Bình Phương, Tân Hiệp, Long Sơn. Trong đó, số hộ DTTS là 328 hộ (chiếm 37,2%) với 1.534 nhân khẩu, tỷ lệ hộ nghèo 69,8% (UBND xã Trà Sơn, 2020).

Tính đến cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo vùng DTTS của tỉnh Quảng Nam là 20,83% (UBND tỉnh Quảng Nam, 2020), của huyện Bắc Trà My là 33,64% (UBND huyện Bắc Trà My, 2020), của người Xơ-đăng ở Việt Nam là 44,9% (Ủy ban Dân tộc, 2019). Điều này cho thấy, đề có thể đưa tỷ lệ nghèo của người DTTS ở vùng sâu vùng xa như người Xơ-đăng về tiệm cận với tỷ lệ nghèo của huyện Bắc Trà My hay tỷ lệ nghèo vùng DTTS của tỉnh Quảng Nam vẫn còn là một quãng đường dài.

Để nâng cao cuộc sống, xóa đói giảm nghèo cho người dân vùng DTTS, tỉnh Quảng Nam đã và đang triển khai hai hệ thống chính sách: *Thứ nhất*, các chính sách do Trung ương ban hành; *Thứ hai*, chính sách riêng của tỉnh Quảng Nam dành cho người nghèo, người DTTS. Theo thống kê của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam, hiện nay tỉnh đang triển khai 36 chính sách (còn hiệu lực) của Trung ương và 17 chính sách của tỉnh. Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg và quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về chuẩn nghèo đa chiều, bên cạnh yếu tố thu nhập, đánh giá đói nghèo còn căn cứ vào điểm số của 5 dịch vụ xã hội cơ bản, gồm: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Do đó, trong quá trình nghiên cứu, bên cạnh việc phân tích, đánh giá các chính sách hỗ trợ trực tiếp tới thu nhập, sinh kế của người Xơ-đăng, bài viết còn tập trung vào các chính sách có liên quan tới 5 yếu tố nêu trên.

² Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

1. Các chính sách nhằm nâng cao thu nhập, sinh kế của người dân

Đối với người DTTS khu vực miền núi, hộ nghèo được xác định phải đáp ứng một trong hai tiêu chí sau: có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 700.000 đồng trở xuống; hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên (Thủ tướng Chính phủ, 2015). Tính đến cuối năm 2019, thu nhập trung bình của Việt Nam đạt 4,2 triệu đồng/người/tháng, trong khi thu nhập của người dân huyện Bắc Trà My giai đoạn 2018 - 2020 được xác định chỉ đạt khoảng 1,2 triệu đồng/người/tháng (UBND tỉnh Quảng Nam, 2019). Để đạt được kết quả đó, trong giai đoạn này, Trung ương nói chung và tỉnh Quảng Nam nói riêng đã triển khai rất nhiều chính sách nhằm nâng cao thu nhập, sinh kế của người dân.

1.1. Một số chính sách do Trung ương ban hành

- Chính sách giảm nghèo theo Quyết định 1722/QĐ-TTg: Trong khuôn khổ chính sách, huyện Bắc Trà My đã đầu tư hơn 17 tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng; chi gần 11 tỷ đồng hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, nhân rộng những mô hình sinh kế đạt hiệu quả; chi 69 triệu đồng hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào DTTS đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng DTTS và miền núi theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg: Huyện Bắc Trà My đã giải ngân gần 42 tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng; chi 9,2 tỷ để hỗ trợ giống cây trồng, con vật nuôi và vật tư nông nghiệp, chi 150 triệu đồng để nhân rộng mô hình chăn nuôi gia súc cho người dân nghèo.

Bên cạnh đó, huyện đã hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo (theo quyết định số 28/2014/QĐ-TTg) và các hộ được bao trợ xã hội số tiền 13,5 tỷ đồng; đã cấp phát hỗ trợ bằng hiện vật và tiền (theo quyết định số 102/QĐ-TTg) cho 14.971 hộ/64.359 khẩu với tổng số tiền là 6,2 tỷ đồng; trợ cấp xã hội tổng cộng 30,6 tỷ. Cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ DTTS vay 16 tỷ, với 560 lượt vay (theo quyết định số 755/QĐ-TTg, quyết định số 2085/QĐ-TTg),...

1.2. Một số chính sách do tỉnh ban hành

Giai đoạn 2016 - 2019, tỉnh Quảng Nam đã ban hành nhiều chính sách nhằm giảm nghèo, giải quyết việc làm và phát triển nguồn nhân lực người DTTS tại chỗ miền núi của tỉnh. Một số chính sách tiêu biểu có thể kể đến như: *Chính sách khuyến khích thoát nghèo bền vững* (Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND); *Chính sách phát triển kinh tế - xã hội - miền núi tỉnh Quảng Nam* (Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND); *Chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo* (Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND);... Trong giai đoạn này, thực hiện các chính sách của tỉnh, huyện Bắc Trà My đã đầu tư 1,2 tỷ đồng để người dân phát triển cây dược liệu (theo Nghị quyết 202/NQ-HĐND tỉnh); hỗ trợ 1 tỷ đồng

cho phát triển chăn nuôi nông hộ (Quyết định số 08/QĐ-UBND tỉnh); hỗ trợ tiền ăn khi nằm viện, tiền vận chuyển bệnh nhân tổng cộng 1,7 tỷ (Quyết định số 2151/QĐ-UBND tỉnh); đầu tư 3 tỷ đồng thực hiện phát triển kinh tế vườn nhà của người dân (Nghị quyết số 03 của huyện ủy về việc phát triển kinh tế vườn nhà);...

Một trong những ưu điểm của việc triển khai các chính sách của Trung ương và của tỉnh Quảng Nam tới người dân Xơ-dăng trên địa bàn huyện Bắc Trà My, đó là đã có những điều chỉnh chính sách căn cứ trên nhu cầu thực tế của người dân ở các xã khác nhau. Chẳng hạn, năm 2016 người Xơ-dăng ở xã Trà Đốc được hỗ trợ lợn đen, trong khi người Xơ-dăng ở xã Trà Sơn lại được hỗ trợ bò cái sinh sản. Người Xơ-dăng ở xã Trà Sơn được hỗ trợ các loại cây như cam, thanh trà, chuối mốc, dó bầu, bưởi da xanh, sầu riêng..., trong khi người Xơ-dăng ở xã Trà Đốc được hỗ trợ cây chuối mốc, cau, keo tai tượng lai Úc, chôm chôm Thái ghép....

Bên cạnh đó, việc triển khai chính sách cũng được chính quyền cấp huyện, xã linh hoạt thay đổi nhằm tăng tính hiệu quả. Nếu trước đây, Nhà nước hỗ trợ người dân 100% chi phí mua vật nuôi thì một vài năm nay, các xã thuộc huyện đã yêu cầu người dân bỏ tiền góp vốn đối ứng với tỷ lệ khoảng 20 - 30% số tiền mà Nhà nước đầu tư cho người dân. Điều này được cán bộ xã giải thích rằng “*để tăng trách nhiệm của người dân đối với tiền mình bỏ ra, từ đó tăng hiệu quả dụng nguồn vốn*”. Lãnh đạo xã Trà Đốc đánh giá, sau ba năm triển khai mô hình đã cho thấy hiệu quả rõ rệt.

2. Thực hiện các chính sách y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin ở người Xơ-dăng huyện Bắc Trà My

2.1. Chính sách liên quan tới dân báo, nâng cao chỉ số về y tế

Trong đánh giá chuẩn nghèo đa chiều, hai chỉ số y tế được dùng để đo lường là tiếp cận các dịch vụ y tế và bảo hiểm y tế. Đối với người Xơ-dăng ở hai xã Trà Đốc và Trà Sơn, việc tiếp cận các dịch vụ y tế vẫn còn nhiều khó khăn. Trong khi việc cấp phát và sử dụng bảo hiểm y tế của người dân đã và đang đạt được những kết quả khá quan.

Do sinh sống ở vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, việc tiếp cận với các dịch vụ y tế của người Xơ-dăng bị hạn chế (trong việc đi lại, vận chuyển...). Qua kết quả khảo sát, 82,5% số người được hỏi cho biết trong 12 tháng qua nhà có người bị đau ốm; 74 người (chiếm 42%) cho biết trong 12 tháng vừa qua những người bị ốm đau trong nhà phải đi khám chữa bệnh. Số tiền trung bình người dân chi cho việc khám, chữa bệnh trong năm 2019 khoảng 5 triệu đồng. Những bệnh chính mà người dân Xơ-dăng ở Bắc Trà My thường mắc là hô hấp, ngoài da và tiêu hóa. Hiện nay, ở huyện Bắc Trà My, 100% xã đã có trạm y tế, trong đó 5 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia. Các trạm y tế được đánh giá đủ điều kiện tối thiểu đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người dân (UBND huyện Bắc Trà My, tr. 12).

Việc cấp phát và sử dụng thẻ BHYT đối với người DTTS ở Bắc Trà My nói riêng, ở Việt Nam nói chung hiện đang được triển khai rất tốt. Theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế, người nghèo và đồng bào DTTS sinh sống ở vùng kinh tế khó khăn được hỗ trợ 100% thẻ BHYT. Lãnh đạo huyện Bắc Trà My cho biết, gần như 100% người DTTS trên địa bàn huyện đã được cấp phát thẻ BHYT. Điều này giúp người dân giảm bớt gánh nặng y tế khi không may bản thân hoặc gia đình có người mắc bệnh. Kết quả xử lý phiếu điều tra cũng cho thấy trên 90% người Xơ-đăng trả lời rằng, toàn bộ người trong gia đình có thẻ BHYT. Một số hộ chưa có thẻ do chưa lấy hoặc thẻ đang làm lại do chỉnh sửa thông tin,... Trong quá trình phỏng vấn sâu, người dân tại hai xã đa phần đánh giá rất cao việc cấp phát và khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT. Nhiều người dân cho biết, một trong những lý do mà trước đây người Xơ-đăng khi bị ốm thường ít khi đi khám chữa ở trạm xá hoặc bệnh viện, vì lo ngại chi phí khám chữa bệnh tốn kém. Kể từ ngày có bảo hiểm y tế, người dân đã hầu như không còn lo về vấn đề chi phí, trừ một số trường hợp bệnh nặng hoặc bệnh đặc biệt.

2.2. Chính sách liên quan tới đảm bảo, nâng cao chỉ số về giáo dục

Hai chỉ số giáo dục được dùng để đo lường trong chuẩn nghèo đa chiều là trình độ giáo dục của người lớn và tình trạng đi học của trẻ em. Kết quả khảo sát cho thấy, trình độ học vấn của người Xơ-đăng ở hai xã Trà Đốc và Trà Sơn thấp, tỷ lệ mù chữ chiếm 33,9%. Đối với việc đi học của trẻ em trong độ tuổi đến trường (dưới 16 tuổi), tỷ lệ bỏ học lại hai xã đều ở mức cao, chiếm từ 50% đến 80% số lượng trẻ (Kết quả xử lý phiếu điều tra thực địa của đề tài năm 2019). Tỷ lệ trẻ em Xơ-đăng ở Bắc Trà My học hết Trung học phổ thông thấp hơn bình quân tỷ lệ trẻ em Xơ-đăng đi học của cả nước 32,8% so với 35,7% (Ủy ban Dân tộc, 2020). Một trong những nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên là do người Xơ-đăng hiện vẫn sinh sống ở các khu vực giao thông chưa thuận tiện, thậm chí khó khăn nên ảnh hưởng tới khả năng tới trường của các em.

Tỷ lệ trẻ em bỏ học cao cùng với trình độ học vấn của người trưởng thành thấp là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới đói nghèo của người Xơ-đăng ở Bắc Trà My. Do trình độ học vấn còn ở mức thấp nên người dân gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng khoa học - kỹ thuật (các kiến thức mới về trồng trọt, canh tác, chăm sóc...) nhằm tăng năng suất, sản lượng để đem lại thu nhập tốt hơn.

Giai đoạn 2016 - 2019, thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục từ nguồn vốn Trung ương, huyện Bắc Trà My đã đầu tư hơn 80 tỷ đồng mua quần áo, sách vở hỗ trợ các em học sinh, nhưng có lẽ huyện vẫn cần huy động thêm nguồn lực để đầu tư giáo dục cho các cháu. Đối với người Xơ-đăng trưởng thành, từ năm 2017 - 2019, theo chỉ tiêu được tỉnh Quảng Nam giao, huyện Bắc Trà My đã triển khai đào tạo nghề cho 953 người (năm 2017 đào tạo 166 người, năm 2018 đào tạo 350 người, năm 2019 đào tạo 437 người). Theo quyết định 1956/QĐ-TTG về đào tạo nghề của Thủ tướng, năm 2019 huyện đã đào tạo nghề phi nông nghiệp cho 40 người, đào tạo nghề nông nghiệp cho 60 người. Bên cạnh đó, việc tuyển dụng

và đào tạo cán bộ người Xơ-dăng cũng được huyện Bắc Trà My hết sức quan tâm. Tính đến tháng 3/2020, số lượng cán bộ người DTTS tại các xã trên địa bàn huyện chiếm 45,93% (130/283 người), trong đó 68,48% cán bộ (89/130 người) đạt yêu cầu về chuyên môn (UBND huyện, 2020, tr. 6). Hàng năm, căn cứ vào chỉ tiêu được phân bổ, huyện liên tục tuyển dụng cán bộ người DTTS, cử các cán bộ đi học nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ chính trị.

2.3. Chính sách liên quan tới đảm bảo, nâng cao chỉ số về nhà ở

Về nhà ở, có hai chỉ số để đo trong chuẩn nghèo đa chiều là chất lượng nhà ở và diện tích nhà ở. Hai chỉ số này đối với người Xơ-dăng ở huyện Bắc Trà My đều tương đối thấp. Theo kết quả điều tra của Ủy ban Dân tộc, tỷ lệ hộ người Xơ-dăng ở nhà kiên cố và bán kiên cố đạt 73,1% (2020), tỷ lệ hộ ở nhà thiếu kiên cố là 5% và tỷ lệ hộ ở nhà đơn sơ là 21,9%. Trong khi, theo kết quả điều tra phiếu của đề tài, 62,2% người Xơ-dăng ở huyện Bắc Trà My đang ở nhà kiên cố hoặc bán kiên cố, thấp hơn so với mặt bằng chung. Hiện tại, chỉ số diện tích bình quân nhà ở của người Xơ-dăng toàn quốc chỉ bằng 1/2 so với diện tích bình quân nhà ở theo tiêu chuẩn Việt Nam 10,9 m²/người so với 23,2 m²/người (Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2019, tr. 302).

Mặc dù chỉ số về nhà ở của người Xơ-dăng ở Bắc Trà My vẫn còn thấp, nhưng không thể phủ nhận chỉ số hiện nay tốt hơn nhiều so với trước. Đây là kết quả của những nỗ lực không ngừng của Chính phủ và của tỉnh Quảng Nam trong việc triển khai, thực hiện các chính sách về nhà ở dành cho người DTTS. Trong giai đoạn 2016 - 2019, căn cứ quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, huyện Bắc Trà My đã hỗ trợ xây dựng đảm bảo “ba cứng” (nền, khung và mái) cho 307 nhà của người DTTS, cho 381 hộ vay tiền xây hoặc sửa nhà với mức 25 triệu đồng/hộ, hỗ trợ từ quỹ huy động 2 triệu đồng/nhà cho 174 nhà. Ở cấp tỉnh, từ năm 2017 - 2019, thực hiện nghị quyết 12/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết 31/2018/NQ-HĐND, huyện Bắc Trà My đã di dời, chỉnh trang chỗ ở cho 659 hộ dân do nguy cơ sạt lở, lũ ống, lũ quét... với tổng kinh phí 27,8 tỷ đồng. Huyện cũng đã huy động các nguồn vốn để triển khai xây nhiều nhà tình nghĩa cho các hộ DTTS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Với sự đầu tư tập trung, có trọng điểm từ Trung ương và địa phương, trong thời gian tới, chất lượng nhà ở của người ở Xơ-dăng ở Bắc Trà My được dự báo sẽ tốt hơn.

2.4. Chính sách liên quan tới đảm bảo, nâng cao chỉ số về nước sạch và vệ sinh

Nước sạch và vệ sinh là yếu tố thứ tư được xét đến trong chuẩn nghèo đa chiều với hai chỉ số được lựa chọn đại diện là nguồn nước sinh hoạt và hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh. Hai chỉ số này của người Xơ-dăng ở Bắc Trà My đã tăng lên so với trước. Huyện Bắc Trà My đã sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Chương trình 134 kéo dài, Chương trình môi trường Quốc gia nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, Quyết định số 755/QĐ-TTg của Thủ tướng và Quyết định 2085 đã giải quyết cơ bản cung cấp nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn huyện.

Giữa đoạn 2016 - 2019, huyện đã chi 10,7 tỷ đồng để hỗ trợ cho 3.256 hộ dân sử dụng nước sinh hoạt sạch. Huyện cũng đã sử dụng 630 triệu đồng để xây dựng 05 công trình nước sinh hoạt tập trung phục vụ nhân dân (UBND huyện, 2020). Kết quả khảo sát cho thấy, rất nhiều hộ gia đình người Xơ-dăng ở hai xã Trà Đốc, Trà Sơn đang sử dụng nước máy. Hầu hết người dân đều khẳng định “nguồn nước hiện nay tốt hơn rất nhiều so với cách đây 10 năm”.

Đối với nhà vệ sinh, chỉ 21,5% người Xơ-dăng đang sử dụng nhà vệ sinh tự hoại hoặc bán tự hoại; 28,2% người dân dùng nhà vệ sinh thấm dột; hơn 50% người dân vẫn chưa có nhà vệ sinh (Kết quả xử lý phiếu điều tra của đề tài năm 2019). Tỷ lệ người Xơ-dăng ở huyện Bắc Trà My sử dụng nhà vệ sinh tự hoại, bán tự hoại chỉ bằng 3/4 so với mặt bằng chung của toàn quốc (21,5% so với 28,3%). Đây là điều mà huyện Bắc Trà My cần quan tâm đầu tư trong thời gian tới nhằm nâng cao chỉ số đánh giá đối với nhà vệ sinh, đảm bảo vệ sinh môi trường và sức khỏe cho người dân.

2.5. Chính sách liên quan tới đảm bảo, nâng cao chỉ số về thông tin

Đối với thông tin, hai yếu tố được dùng để đo lường là sử dụng dịch vụ viễn thông và tài sản phục vụ tiếp cận thông tin. Hiện nay, theo lãnh đạo huyện, sóng điện thoại gần như đã phủ kín địa bàn huyện Bắc Trà My, trong đó mạnh nhất là sóng điện thoại của Viettel và Vinaphone. Người dân hiện nay có thể yên tâm sử dụng điện thoại di động để liên lạc, thậm chí vào mạng internet. Mạng internet có dây và không dây (wifi) đã được lắp ở trụ sở UBND tất cả các xã. Một số hộ dân hai xã Trà Đốc, Trà Sơn còn sử dụng các gói cước tổng hợp (gồm điện thoại và truyền hình internet) để liên lạc, theo dõi các kênh truyền hình trong nước và ngoài nước. Quan sát thực địa cho thấy, gần như 100% người Xơ-dăng (từ 16 tuổi trở lên) sử dụng điện thoại di động. Một số người còn sử dụng điện thoại thông minh để vào mạng đọc tin tức, sử dụng các dịch vụ thanh toán qua điện thoại như ứng dụng của ngân hàng Agribank, ví điện tử Momo,... Đa phần người dân sử dụng điện thoại thông minh đều biết cách sử dụng dịch vụ để tìm kiếm thông tin của Google.

Bên cạnh việc sử dụng điện thoại, ti vi cũng là phương tiện chính người dân sử dụng để giải trí, cập nhật thông tin. Trong số 177 hộ tham gia khảo sát, có 56,5% hộ sở hữu ti vi và tất cả các hộ này đều xem ti vi hàng ngày. Radio hiện nay không còn là phương tiện truyền tải thông tin phổ biến. Chỉ còn một vài hộ gia đình có radio và nghe radio hàng ngày. Báo chí cũng hầu như không còn được sử dụng trừ một số sách báo, tờ bướm do Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phát để hướng dẫn người dân cách thức trồng trọt, chăn nuôi.

Để sử dụng được các phương tiện thông tin, nguồn điện là hết sức quan trọng. Theo báo cáo của huyện Bắc Trà My, tính đến năm 2019, 13/13 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã

³ Ủy ban Dân tộc, 2020 (Trang thống kê về Dân tộc Xơ-dăng)

có điện lưới quốc gia. Số thôn bản có điện đạt 46/46 thôn. Tỷ lệ hộ sử dụng điện là 96,2%, trong đó tỷ lệ hộ DTTS sử dụng điện là 92,9%.

3. Nhận diện nguyên nhân đói nghèo và định hướng triển khai chính sách

Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ nghèo của người Xơ-đăng ở Bắc Trà My cao hơn mặt bằng chung của cả nước. Điều tra qua bảng hỏi về nguyên nhân gây nên đói nghèo của gia đình, thu được kết quả như sau (xem bảng dưới đây):

Bảng: Nguyên nhân đói nghèo của người Xơ-đăng ở hai xã Trà Đốc, Trà Sơn

<i>Nguyên nhân nghèo</i>	<i>Xã Trà Đốc</i>	<i>Xã Trà Sơn</i>	<i>Kết quả chung</i>
Thiếu vốn sản xuất	33,8%	44,9 %	39,8%
Thiếu đất canh tác	33,8%	27,5%	30,7%
Có lao động nhưng thiếu việc làm ổn định	7,0%	8,8%	7,4%
Không biết cách làm ăn	8,4%	8,7%	8,7%
Nhà có người ốm đau liên tục	11,3%	5,0%	7,9%
Các nguyên nhân khác (già cả, neo đơn,...)	5,7%	5,1%	5,5%
Tổng cộng	100%	100%	100%

Nguồn: Kết quả xử lý phiếu điều tra thực địa của đề tài năm 2019

Từ bảng trên cho thấy, đa phần người Xơ-đăng ở Trà Đốc và Trà Sơn đều có suy nghĩ thiếu đất canh tác, thiếu vốn sản xuất là hai nguyên nhân chính dẫn tới sự đói nghèo của họ. Điều này có phần hợp lý, bởi lẽ đối với người DTTS nói chung và người Xơ-đăng nói riêng, ở thời điểm hiện tại thì đất sản xuất vẫn là một trong những nguồn lực quan trọng nhất để người dân có thể tạo ra của cải, vật chất. Bên cạnh đó, đối với những người dân nghèo (thường là những gia đình không biết cách sử dụng hiệu quả nguồn tiền) thì vốn đầu tư cũng luôn là yếu tố được quan tâm. Theo người dân, “Nhà nước hỗ trợ càng nhiều càng tốt, cho vay càng nhiều càng tốt, lãi suất càng thấp càng tốt”. Rất nhiều người Xơ-đăng khi được hỏi tại sao hỗ trợ vốn lại quan trọng, đã trả lời rằng “nếu có thêm nguồn vốn, người dân có thể đầu tư mạnh tay hơn, sớm thoát nghèo nhanh hơn”.

Hiện tại, có 76,3% người Xơ-đăng ở Trà Đốc và Trà Sơn đang vay tiền với số lượng từ 6 triệu tới 90 triệu đồng, trung bình khoảng 50 triệu/hộ. Trong đó, đa số (94%) người dân đang vay tiền từ Ngân hàng chính sách. Chỉ có một số rất ít người dân vay từ các nguồn khác như anh em họ hàng, bạn bè. Điều này cho thấy, người Xơ-đăng hiện nay đã mạnh dạn hơn so với trước đây trong việc tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư phát triển trồng trọt, chăn nuôi.

Qua khảo sát người dân về cuộc sống hiện nay so với cách đây 10 năm, hơn 90% người được hỏi cho biết cuộc sống của họ tốt hơn hoặc bằng so với trước. Trong số đó,

67,2% người dân đánh giá cuộc sống của họ tốt hơn so với trước nhờ bản thân đã có những cố gắng, nỗ lực vươn lên; 31,3% cho rằng cuộc sống tốt lên do sự hỗ trợ của Nhà nước và chỉ 1,5% cho rằng nhờ có sự giúp đỡ của anh em họ hàng, bạn bè (Kết quả xử lý phiếu điều tra thực địa của đề tài năm 2019).

Theo đánh giá của người dân, nhóm chính sách về y tế đang khiến nhiều người cảm thấy hài lòng nhất, đạt 4,11 điểm (Thang điểm đánh giá từ 1 - 5 với 1 điểm là thấp nhất, 5 điểm là cao nhất). Điểm số của các nhóm chính sách còn lại như sau: giáo dục đạt 4,07 điểm, nước sạch và vệ sinh đạt 4,03 điểm, thông tin đạt 3,97 điểm và nhà ở chỉ đạt 3,70 điểm - thấp nhất. Tương ứng với đó, mong muốn của người dân trong thời gian tới Nhà nước ưu tiên triển khai các chính sách về nhà ở đạt 4,61 điểm. Điểm số của các nhóm còn lại là: y tế 4,56 điểm, giáo dục 4,54 điểm, nước sạch và vệ sinh 4,50 điểm, thông tin 4,49 điểm - thấp nhất (Kết quả xử lý phiếu điều tra thực địa của đề tài năm 2019).

Kết luận

Trong 10 năm qua, với sự quan tâm của Nhà nước và tỉnh Quảng Nam, công tác XDGN, phát triển cuộc sống cho người DTTS trên địa bàn huyện Bắc Trà My đã có những chuyển biến hết sức tích cực. Từ năm 2010 trở lại đây, bình quân tỷ lệ nghèo DTTS của huyện này đã giảm từ 3% đến 4%/năm, do đó huyện xác định mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo DTTS giai đoạn 2020 - 2025 là từ 4% đến 5%/năm (UBND huyện Bắc Trà My, 2020). Tại xã Trà Đốc, từ năm 2015 đến 2019, xã đã có 88 hộ DTTS thoát nghèo và giảm 17 hộ DTTS cận nghèo (UBND xã Trà Đốc, 2020). Còn xã Trà Sơn, từ năm 2016 đến 2019, số hộ nghèo người DTTS đã giảm 53 hộ và hộ cận nghèo giảm 11 hộ (UBND xã Trà Sơn, 2020).

Tuy đã chuyển biến tích cực nhưng tỷ lệ nghèo trên địa bàn huyện Bắc Trà My vẫn còn cao so với mặt bằng chung của tỉnh và toàn quốc. Để có thể giảm nhanh tỷ lệ nghèo và cận nghèo, nhất là XDGN người dân các DTTS, tỉnh Quảng Nam và huyện Bắc Trà My cần tăng cường khảo sát thực địa, rà soát, tìm hiểu nhu cầu của người dân. Trên cơ sở đó, tập trung huy động nguồn lực để giải quyết những vấn đề cấp bách, tránh tình trạng đầu tư dàn trải. Cụ thể, đối với người Xơ-đăng trên địa bàn huyện, ưu tiên hàng đầu mà các cấp chính quyền cần tập trung là đầu tư nâng cao chất lượng nhà ở, giúp người dân yên tâm an cư lạc nghiệp. Nguồn lực còn lại sẽ đầu tư cho các chính sách theo thứ tự ưu tiên: y tế, giáo dục, nước sạch và vệ sinh, thông tin.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2019), *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2016), *Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXHII về việc Hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo quy chuẩn tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020*.

3. Thủ tướng Chính phủ (2015). *Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg về việc Ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.*
4. Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số 1722/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.*
5. Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê (2020). *Đặc trưng cơ bản của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
6. UBND xã Trà Đốc (2020). *Báo cáo kết quả thực hiện các chính sách đặc thù giai đoạn 2016 - 2020.*
7. UBND xã Trà Sơn (2020). *Báo cáo kết quả thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ, phát triển dân tộc thiểu số tại xã Trà Sơn giai đoạn 2016 - 2020.*
8. UBND huyện Bắc Trà My (2020). *Báo cáo kết quả thực hiện một số chương trình chính sách dân tộc giai đoạn 2011 - 2019; mục tiêu thực hiện giai đoạn 2020 - 2025.*
9. UBND tỉnh Quảng Nam (2019). *Quyết định số 1660/QĐ-UBND về việc Phê duyệt đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.*
10. UBND tỉnh Quảng Nam (2020a). *Báo cáo thực trạng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam từ năm 2011 đến nay.*
11. UBND tỉnh Quảng Nam (2020b). *Báo cáo chính sách đặc thù hỗ trợ, phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011 đến nay.*